TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST Ngày 30/9/2020 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Tấn Lãm

Ông Phạm Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2020/TLST - HNGĐ ngày 14/5/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1982 "có mặt";

- Bị đơn: Anh Trần Quốc V, sinh năm 1982 "vắng mặt"

Cùng địa chỉ: thôn 4, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Lời trình bày của chị Đặng Thị H tại đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa như sau:*

Về hôn nhân: chị Đặng Thị H và anh Trần Quốc V tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước vào năm 2005. Trong thời gian chung sống chị H và anh V hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng chị H và anh V không hợp nhau nên thường xuyên cải nhau, anh V có hành vi bạo lực chị H. Tại phiên tòa, chị H xác nhận cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh V có 02 người con chung tên là Trần Đặng Quốc A, sinh ngày 21/7/2009 và Trần Đặng Hà A, sinh ngày 14/3/2014. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung đến khi trưởng thành. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị H rút yêu cầu về giải quyết con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị H yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H 2.000.000 đồng/tháng/một người con, tổng số tiền cấp dưỡng cho 02 người con là 4.000.000 đồng/tháng, đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa, chị H rút yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, chị H trình bày tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Trần Quốc V:* Vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Về các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị H được ly hôn anh V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con do nguyên đơn chị Đặng Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Quốc V theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn anh V cư trú tại xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn anh Trần Quốc V đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 nhưng anh V vẫn vắng mặt lần hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh V.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện về giải quyết con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc rút các yêu cầu nói trên của chị H là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về giải quyết con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của chị H; nếu sau này chị H khởi kiện lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Chị H không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[4] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị H và anh Trần Quốc V tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào năm 2005. Xét đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống chị H và anh V hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cải nhau, anh V có hành vi bạo lực chị H. Tại phiên tòa, chị H xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh V. Đối với bị đơn anh V, khi được Tòa án triệu tập nhiều lần để làm việc và hòa giải nhưng anh V không đến tham gia, thể hiện sự bỏ mặc không có sự tôn trọng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị H cho chị H được ly hôn anh V theo quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, chị H yêu cầu để tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Đặng Thị H phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về giải quyết con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của chị Đặng Thị H nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị H và anh Trần Quốc V.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Mem đã nộp theo biên lai thu số 00019228 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- UBND xã Đa Kia;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Công